

Số: 1592064

|                                            | Mazda CX-3 1.5L AT                              | Mazda3 1.5L Deluxe  |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>522.000.000đ</b>                             | <b>599.000.000đ</b> |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                 |                     |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4275 x 1765 x 1535                              | 4660 x 1795 x 1440  |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2570                                            | 2725                |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                                            | 5300                |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 155                                             | 145                 |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1264                                            | 1330                |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1695                                            | 1780                |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 350                                             | 450                 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 48                                              | 51                  |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                               | 5                   |
| Nguồn gốc                                  | Nhập Khẩu                                       | SX-LR trong nước    |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                 |                     |
| Loại động cơ                               | Skyactiv-G 1.5L                                 | Skyactiv-G 1.5L     |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1496                                            | 1496                |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 110 / 6000                                      | 110 / 6000          |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 / 4000                                      | 146 / 3500          |
| Hộp số                                     | 6AT                                             | 6AT                 |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                 | Cầu trước (FWD)     |
| Hệ thống treo trước                        | Độc lập Mc Pherson                              | Độc lập Mc Pherson  |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                                      | Thanh xoắn          |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                             | Đĩa                 |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                             | Đĩa                 |
| Thông số lốp xe                            | 215/50 R18                                      | 205/60 R16          |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.2                                             | 9.35                |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 4.96                                            | 5.32                |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.15                                            | 6.8                 |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh | ●                                               |                     |
| Chế độ lái                                 | Normal/Sport                                    | Normal/Sport        |
| Trang bị khác                              | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao<br>GVC Plus |                     |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                 |                     |
| Cụm đèn trước                              | Halogen                                         | LED                 |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | -                                               | ●                   |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | -                                               |                     |
| Đèn ban ngày LED                           | Halogen                                         | Halogen             |
| Đèn sương mù                               | LED                                             |                     |
| Cụm đèn sau                                | Halogen                                         | LED                 |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                               | ●                   |
| Gạt mưa tự động                            | -                                               | ●                   |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                 |                     |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                               | ●                   |
| Chất liệu ghế                              | Nỉ                                              | Nỉ                  |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                                               | ●                   |

|                                    |                  |                  |
|------------------------------------|------------------|------------------|
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ●                | ●                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●                | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | Analog & Digital | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 7"               | 8.8              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động          | Chỉnh cơ         |                  |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 1                |                  |
| Chìa khóa thông minh               | ●                | ●                |
| Khởi động nút bấm                  | ●                | ●                |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa            | 8 loa            |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                | ●                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                | ●                |

#### **AN TOÀN:**

|                                            |                |   |
|--------------------------------------------|----------------|---|
| Số túi khí                                 | 6              | 7 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●              | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●              | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●              | ● |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●              | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●              | ● |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●              | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●              | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●              | ● |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●              | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau            |   |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | Cruise control | ● |
| Camera lùi                                 | ●              | ● |